TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08 -3 - 2021
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Vĩnh Thành;

2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 03/TB-TA ngày 22/02/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị TV, sinh năm 1998, địa chỉ: Số 27, đường số 4, khóm N, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang CS, sinh năm 1997, địa chỉ: Số 1250, tổ 4, ấp M, xã V, thành phố K, tỉnh An Giang.

Bà TV vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông CS vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị TV trình bày: Vào năm 2017, bà TV và ông CS do tự tìm hiểu, yêu thương nhau nên đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố K, tỉnh An Giang. Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông CS không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Cho

nên bà TV khởi kiện ly hôn với ông CS vào năm 2019. Qua động viên của Tòa án, bà TV tạo điều kiện cho ông CS sửa đổi để vợ chồng chung sống với nhau cùng chăm lo nuôi dạy con chung. Do đó, bà TV rút đơn khởi kiện ly hôn với ông CS. Nhưng đến nay ông CS vẫn không sửa đổi, không lo cho cuộc sống gia đình và không quan tâm đến gia đình, vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Tình cảm giữa bà TV với ông CS không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình nên bà TV yêu cầu ly hôn với ông CS.

Về con chung: Bà Trần Thị TV và ông Nguyễn Quang CS có 01 (một) con chung tên Nguyễn Quang TH, sinh ngày 06/4/2017. Bà TV đồng ý giao con chung cho ông CS nuôi dạy và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (*Một triệu*) đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông CS do bà Phạm Thị Nhượng là mẹ ruột ông CS nhận thay và cam kết thông báo lại cho ông CS và trong lời khai bà Nhượng cho biết ông CS và bà TV chung sống với nhau có một con chung tên Nguyễn Quang TH, sinh ngày 06/4/2017 hiện do CS đang nuôi dạy; việc Tòa án triệu tập CS, bà có thông báo cho CS biết nhưng do CS bận đi làm nên không đến Tòa án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh CS vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

- Hội đồng công bố lời khai của nguyên đơn và lời khai của bà Phạm Thị Nhượng.

- *Phát biểu của Kiểm sát viên:*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia quá trình tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị TV và ông Nguyễn Quang CS chung sống với nhau như vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố K là hôn nhân hợp pháp.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Trong thời gian sống chung, bà TV và ông CS phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà TV yêu cầu ly hôn với ông CS là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà Trần Thị TV và ông Nguyễn Quang CS có 01 (một) con chung tên Nguyễn Quang TH, sinh ngày 06/4/2017 hiện đang sống cùng ông CS, bà TV đồng ý giao con chung cho ông CS nuôi dạy và cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (*Một triệu*) đồng. Do đó, yêu cầu của bà TV là có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà TV khai không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:*

Bà Trần Thị TV khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quang CS. Đồng thời, ông CS cư trú trên địa bàn thành phố K. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*:

Nguyên đơn bà Trần Thị TV có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Quang CS đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà TV, ông CS theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] *Về quan hệ hôn nhân*:

Bà Trần Thị TV và ông Nguyễn Quang CS chung sống với nhau từ năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố K theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14 ngày 13/02/2017 là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo bà TV trình bày nguyên nhân bà TV yêu cầu ly hôn với ông CS do ông CS không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình mặc dù bà TV đã tạo cơ hội cho ông CS sửa đổi để vợ chồng chung sống lại với nhau nhưng ông CS vẫn không thay đổi tính tình, vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay.

Theo biên bản ghi lời khai của bà Phạm Thị Nhượng (là mẹ ruột của ông Nguyễn Quang CS) cho rằng vợ chồng (TV - CS) không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay.

Thấy rằng, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng ông CS vẫn không sửa đổi tính tình, thiếu trách nhiệm và không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Hơn nữa, trước lần xin ly hôn này bà TV có đơn khởi kiện ly hôn với ông CS và qua động viên hòa giải của Tòa án nên bà TV rút lại đơn khởi kiện để tạo cho ông CS có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Với lần ly hôn này Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng ông CS không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa.

Từ đó thấy rằng, ông CS không có thiện chí để hàn gắn tình cảm, vợ chồng cũng không còn quan tâm đến nhau; hôn nhân của bà TV đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà TV đối với ông CS như theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng*:

Bà Trần Thị TV và ông Nguyễn Quang CS có 01 (một) con chung tên Nguyễn Quang TH, sinh ngày 06/4/2017. Hiện do ông CS đang nuôi dạy, cuộc sống của cháu TH đã ổn định và nay bà TV cũng không tranh chấp, đồng ý giao con chung cho ông CS nuôi dạy.

Để đảm bảo cuộc sống cho con chưa thành niên thì mức cấp dưỡng không được dưới 1/2 mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Tại thời điểm hiện nay lương tối thiểu là 1.490.000đồng/tháng nên mức cấp dưỡng ít nhất phải là 745.000đồng/tháng và phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Tuy nhiên, bà TV tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng để ông CS nuôi con chung nên chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 08 tháng 04 năm 2021 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Quang CS cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Trần Thị TV trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà TV khai không có. Ông CS không cung cấp ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu ông CS có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Bà TV phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng. Tổng cộng là 600.00 (Sáu trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004152 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, bà TV còn phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Quang CS không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị TV.

[1] *Về hôn nhân*: Bà Trần Thị TV được ly hôn ông Nguyễn Quang CS.

[2] *Về con chung*:

Ông Nguyễn Quang CS được nuôi dạy con chung tên Nguyễn Quang TH, sinh ngày 06/4/2017. Bà Trần Thị TV có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng *1.000.000* (*Một triệu*) đồng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2021.

Ông Nguyễn Quang CS cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Trần Thị TV trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Bà Trần Thị TV phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và sơ thẩm và 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với

nghĩa vụ cấp dưỡng. Tổng cộng là 600.000 (*Sáu trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0004152 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, bà TV còn phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Quang CS không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố K, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[5] *Về quyền kháng cáo*:

Bà Trần Thị TV và ông Nguyễn Quang CS vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.K (1);
- UBND phường CP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga